

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **320/2021/HSPT**
Ngày 27 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đinh Thị Kiều Lương

Các thẩm phán: Ông Dương Lê Bửu Thiện
Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 247/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Đặng Thị Thu Tr do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 304/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị Thu Tr** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1980 tại V.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh V.

Nghề nghiệp: Tài công; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1955. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02, có chồng là Nguyễn Chí Tr (sinh năm 1982) và có 03 con (sinh năm 2005, 2007, 2016).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ ngày 11/01/2021, đến ngày 03/02/2021 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp bảo lãnh.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị Hải A thuộc Công ty luật TNHH MTV A – Đoàn luật sư tỉnh Đ.

(Bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ hàng hóa “Delta”, có trụ sở tại 180/43, đường Nguyễn Hữu C, phường 22, quận B, thành phố H có ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa với Công ty Trách nhiệm hữu hạn “Nali”, có địa chỉ tại số 105/2A, đường B, phường 27, quận B, thành phố H. Theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn “N” giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ hàng hóa “D” chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu “Nh”, có địa chỉ tại số 1, ngách 19, ngõ 85, phố Định Công Th, phường Định C, quận H, thành phố H. Ngày 11/01/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ hàng hóa “D” phân công tài công Đặng Thị Thu Tr điều khiển xà lan số hiệu LA-06422 đến Cảng SITV tại tỉnh B nhận 799.710 kg bắp hạt của Công ty “Nh” và chở về giao tại cảng Th, tỉnh B. Khi giao nhận hàng thì nhân viên của Công ty “Nh” đã luồn dây seal (niêm chì) qua các khoen khoá cửa hầm chứa bắp trên xà lan của Tr và bấm lại để niêm phong các cửa hầm. Tuy nhiên, Tr phát hiện dây seal (niêm chì) tại cửa hầm số 02 bị hở và cửa hầm vẫn mở ra được nên Tr nảy sinh ý định trộm cắp bắp trên xà lan đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, Tr đã gọi điện thoại cho ông Phan Văn Tr, ngụ tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh L là người bán hàng tạp hoá trên sông Đồng Nai để thỏa thuận bán bắp, do không biết Tr lấy trộm bắp của Công ty nên ông Trai đã đồng ý mua với giá 5000đ (Năm nghìn đồng)/1 kg. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi xà lan của Tr đang neo đậu tại khu vực gần cầu H, thuộc phường H, thành phố B thì ông Tr điều khiển ghe đi đến và Tr đã mở cửa hầm số 02 để ông Tr cùng 02 người làm thuê cho ông Tr là anh Phạm Bá D, ngụ tại khu phố 3, phường L, thành phố B và anh Hoàng Đại S, ngụ tại khu phố 3, phường L, thành phố B vào xúc bắp đóng vào bao. Sau đó, ông Tr, anh D và anh S đóng được 38 bao bắp hạt với khối lượng 1.950 kg chuyển sang ghe của ông Tr và ông Trai thanh toán cho Tr số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) thì bị tổ tuần tra của Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Biên Hòa phát hiện và lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với Đặng Thị Thu Tr.

Vật chứng của vụ án:

- 38 bao bắp hạt với khối lượng 1.950 kg Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ hàng hóa “D”.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI 358131/09/449267/6 của Đặng Thị Thu Tr sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 ghe gỗ hiệu LA-04144 của ông Phạm Văn Tr Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ và xử lý trong vụ án khác.

- 01 xà lan số hiệu LA-06422 và hàng hóa trên xà lan của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ hàng hóa “D” đang quản lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ.

- Số tiền 9.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Tr.

Tại bản kết luận định giá số 23/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “1.950 kg bắp hạt trị giá 13.308.750đ (Mười ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Về dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ hàng hóa “D” không yêu cầu bồi thường.

Tại bản án số 304/2021/HSST ngày 27/05/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt các bị cáo: Đặng Thị Thu Tr 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 27 tháng 05 năm 2021, bị cáo có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Thị Thu Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của các bị cáo đã nêu.

Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa:

Thống nhất theo tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử, tuy nhiên Luật sư đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, hiện bị cáo đang mang thai ở tuần thứ 23. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, h, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, căn cứ vào Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, với các tình tiết giảm nhẹ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Thu Tr làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng cho mỗi bị cáo là 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với, tính chất mức độ và hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, là lao động chính trong gia đình; phải nuôi ba con còn nhỏ, và nuôi mẹ già, phạm tội chưa gây thiệt hại. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo cung cấp 01 đơn cứu xét có xác nhận địa phương thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, trong quá trình tại ngoại bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, 01 phiếu xét nghiệm thể hiện bị cáo đang mang thai ở tuần thứ 23, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết mới được quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có địa chỉ rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

[6] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Thu Tr. Sửa bản án sơ thẩm số 304/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Đặng Thị Thu Tr 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đặng Thị Thu Tr cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó

phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Bị cáo bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa -
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa
- UBND xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương

